

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 10/TC-CĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp

Bộ Tài chính đã ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 1141/TC-QĐ-CĐKT ngày 01 tháng 11 năm 1995. Nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa chế độ kế toán doanh nghiệp với chế độ tài chính của doanh nghiệp Nhà nước ban hành theo Nghị định số 59/CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, đồng thời, để khắc phục những tồn tại của chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung và sửa đổi một số điểm trong chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH BỔ SUNG

1. Hạch toán TSCĐ chuyển thành công cụ lao động

Theo Quyết định số 1062/TC-QĐ-CSTC ngày 14/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ) thì "Những tài sản cố định có nguyên giá dưới 5.000.000 đ (năm triệu đồng) không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định phải chuyển sang theo dõi, quản lý và hạch toán như công cụ lao động đang dùng", kế toán ghi:

a) Nếu giá trị còn lại của TSCĐ nhỏ thì tính toàn bộ giá trị còn lại của TSCĐ vào chi phí trong kỳ, ghi:

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung (giá trị còn lại của TSCĐ), hoặc

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng (giá trị còn lại của TSCĐ), hoặc

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (giá trị còn lại của TSCĐ)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (nguyên giá TSCĐ)

b) Nếu giá trị còn lại của TSCĐ lớn cần phải phân bổ dần vào chi phí nhiều kỳ, ghi:

Nợ TK 142 - Chi phí trả trước (giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn)

Có TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (nguyên giá TSCĐ)

2. Hạch toán doanh thu nhận trước

Để hạch toán doanh thu nhận trước, kế toán sử dụng tài khoản 338 "Phải thu, phải trả khác", chi tiết TK 3387 - "Doanh thu nhận trước".

Tài khoản 3387 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu nhận trước trong kỳ kế toán.

a) Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

Chỉ hạch toán vào tài khoản 3387, số tiền của khách hàng (người mua) đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về lao vụ, dịch vụ... đơn vị đã cung cấp cho khách hàng, như số tiền đã nhận của khách hàng trả một lần cho một hoặc nhiều niên độ kế toán về việc đơn vị đã cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho hàng v.v...

Tài khoản 3387 phải được hạch toán chi tiết theo từng khách hàng.

Không hạch toán vào Tài khoản 3387 số tiền nhận trước của người mua mà đơn vị chưa cung cấp hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.

Hàng kỳ, kết chuyển doanh thu nhận trước sang Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng, phần doanh thu thực tế của kỳ kế toán.

b) Nội dung, kết cấu của Tài khoản 3387

Bên Nợ:

Kết chuyển doanh thu nhận trước sang tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng, tương ứng với doanh thu của kỳ kế toán.

Trả lại tiền cho khách hàng

Thuế doanh thu phải nộp tính trên số doanh thu nhận trước.

Bên Có:

Nhận tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ đơn vị đã cung cấp.

Hoàn lại số thuế doanh thu khi dịch vụ không được thực hiện.

Tài khoản 3387 cuối kỳ có số dư Có: Phản ánh doanh thu nhận trước hiện có cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

Khi nhận tiền của khách hàng trả trước cho nhiều kỳ, nhiều niên độ kế toán về dịch vụ đơn vị đã cung cấp, ghi:

Nợ TK 111, 112,...

Có TK 3387 - Doanh thu nhận trước

Đồng thời tính và kết chuyển doanh thu của kỳ kế toán, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu nhận trước

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Thuế doanh thu phải nộp tính trên số tiền đã nhận của khách hàng, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu nhận trước (thuế doanh thu thu trước)

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng (thuế doanh thu trong kỳ)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Sang kỳ kế toán sau, tính và kết chuyển doanh thu của kỳ kế toán, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu nhận trước

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Trả lại tiền cho khách hàng khi hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ không được thực hiện, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu nhận trước

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại

(trường hợp đã ghi doanh thu trong kỳ)

Có TK 111, 112...

Đồng thời hoàn lại số thuế doanh thu tương ứng với giá trị dịch vụ không được thực hiện, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 3387 - Doanh thu nhận trước

3. Hạch toán ở các đơn vị chuyên kinh doanh cho thuê TSCĐ thuê hoạt động (cho thuê nhà, thuê văn phòng, thuê máy móc thiết bị,...)

Chi phí về cho thuê TSCĐ thuê hoạt động, ghi:

Nợ TK 621, 622, 627

Có các TK 111, 112, 214, 331, 334,...

- Cuối kỳ, tổng hợp chi phí về cho thuê TSCĐ thuê hoạt động, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

Có TK 621, 622, 627

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí về cho thuê TSCĐ thuê hoạt động phù hợp với doanh thu cho thuê trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

Trường hợp trong kỳ, đơn vị nhận được số tiền khách hàng trả về dịch vụ thuê TSCĐ, tương ứng với thời gian đã thuê của kỳ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131,...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Trường hợp nhận tiền của khách hàng trả trước cho nhiều kỳ, nhiều niên độ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 338 (3387 - Doanh thu nhận trước)

Đồng thời, xác định số doanh thu cho thuê TSCĐ của kỳ kế toán, ghi:

Nợ TK 338 (3387 - Doanh thu nhận trước)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Sang kỳ kế toán sau, tính và xác định doanh thu về cho thuê TSCĐ của kỳ kế toán, ghi:

Nợ TK 338 (3387 - Doanh thu nhận trước)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

4. Hạch toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Khi trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 627, 641, 642,...

Có TK 335 - Chi phí phải trả

Khi sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí, ghi:

Nợ TK 335 - Chi phí phải trả

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413)

Nếu số trích trước về chi phí sửa chữa lớn TSCĐ lớn hơn chi phí thực tế phát sinh, thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 335 - Chi phí phải trả

Có TK 627, 641, 642

Nếu số chi phí thực tế phát sinh về sửa chữa lớn TSCĐ lớn hơn số trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thì số chênh lệch được tính vào chi phí, ghi:

Nợ TK 627, 641, 642,

Có TK 335 - Chi phí phải trả

5. Hạch toán quản lý và sử dụng khấu hao Tài sản cố định

Khi trích khấu hao TSCĐ dùng vào SXKD, ghi:

Nợ TK 627, 641, 642, 811 Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Đồng thời ghi:

Nợ TK 009 - Nguồn vốn khấu hao

Khi đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng bằng nguồn vốn khấu hao TSCĐ, kế toán chỉ ghi tăng giá trị TSCĐ, không ghi tăng nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 211, 213

Có TK 111, 112, 331

Có TK 241 - XDCB dở dang

Đồng thời kế toán ghi:

Có TK 009 - Nguồn vốn khấu hao

Khi nộp vốn khấu hao TSCĐ cho cấp trên theo phương thức ghi giảm vốn, kế toán đơn vị cấp dưới ghi:

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 111, 112,...